

Bản án số: 550/2024/HC-PT

Ngày: 27/9/2024

“Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 311/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10579/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1942; địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Đức T – Luật sư thuộc Văn phòng L3; địa chỉ: Số D, đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/7/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người bị kiện:** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S là ông Phùng Kim S; địa chỉ trụ sở: Tầng C, tòa nhà T, Trung tâm hành chính tỉnh Sơn La, khu Q T, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; có đơn xin xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Quách Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L và đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày như sau:

Năm 1971, gia đình bà L khai hoang được một thửa đất có địa chỉ tại xã H (nay là thị trấn H), huyện M, tỉnh Sơn La. Ngày 10/10/1993, bà chuyển nhượng một phần thửa đất cho bà Vũ Thị T2 có diện tích 84m² (chiều dài mặt đường 6m, chiều sâu tính từ rãnh dọc hành lang giao thông năm 1993 là 14m), tài sản trên đất là một gian nhà lợp bằng gianh, số tiền chuyển nhượng là 10.000.000 đồng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có lập giấy nhượng bán đất (lập ngày 10/10/1993).

Ngày 03/12/1993, bà được UBND tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 460m² đất, trong đó đất thổ cư là 200m², đất trồng lúa là 260m² diện tích còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hai bên không ký kết lại giấy tờ mua bán. Kể từ ngày nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ gia đình bà, bà T2 và bà N không có nhu cầu sử dụng nên gia đình bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất.

Đến năm 2004, Nhà nước thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Q đã chiếm dụng một phần quyền sử dụng đất của gia đình bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND tỉnh S cấp ngày 03/12/1993 và một phần quyền sử dụng đất do bà chuyển nhượng cho bà T2, bà N từ năm 1993, thời điểm Nhà nước kiểm đếm, đo đạc bà T2, bà N không có mặt tại thửa đất. Sau khi Nhà nước thu hồi một phần quyền sử dụng đất, bà vẫn tiếp tục sử dụng, quản lý đối với toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất còn lại của gia đình bà và bà T2, bà N.

Khi bà Quách Thị T1 khởi kiện bà về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, qua sao chụp hồ sơ tại Tòa án, bà mới được biết ngày 25/5/1996 bà Vũ Thị T2 chuyển nhượng thửa đất có nguồn gốc mua của bà, cho bà Quách Thị T1 và bà T1 đã được UBND tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1299/QĐ-UB ngày 13/7/1998 của UBND tỉnh S về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 94 hộ gia đình thị trấn H, huyện M.

Sau khi sao chụp hồ sơ bà đã có đơn đề nghị gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do

UBND tỉnh S cấp ngày 13/7/1998 theo Quyết định số 1299/QĐ-UB của UBND tỉnh S cho bà Quách Thị T1 do thừa đất cấp cho bà T1 chồng lên quyền sử dụng đất của gia đình bà, cấp sai vị trí đất, sai nguồn gốc sử dụng đất. Đơn đề nghị của bà được Văn phòng quản lý đất đai tỉnh S giải quyết bằng Quyết định số 168/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2022, do không đồng ý với quyết định này bà đã khiếu nại lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, sau hơn 5 tháng Sở Tài nguyên mới ban hành Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà. Quyết định này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, trái với quy định của pháp luật vì vậy cần phải hủy bỏ, lý do đề nghị hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở T, như sau:

Hồ sơ cấp giấy CNQSD của bà Quách Thị Tuyết s về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất. Năm 1996, bà Quách Thị Tuyết n chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Vũ Thị T2, tuy nhiên lại được Sở T nhận định hồ sơ cấp giấy CNQSD của bà Quách Thị T1 theo diện hợp pháp hóa (sử dụng từ trước năm 1980) là đúng, là trái quy định của pháp luật.

Về rãnh dọc giao thông, bà đã cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường văn bản số 566/CCQLĐBI.1 ngày 26/10/2021 của Cục Q.1, quy mô kỹ thuật QL.6 thể hiện rãnh dọc giao thông năm 1993 (rãnh dọc giao thông năm 1993 tính từ tim đường là 4,5m). Tuy nhiên, Sở T lại không căn cứ, không đánh giá mà chỉ căn cứ thông tin do ông Lê Văn H tiểu khu trưởng tiểu khu C về việc không có rãnh dọc giao thông là không đảm bảo tính khách quan, toàn diện, không phù hợp với sự thật khách quan.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S mặc định giấy CNQSD do UBND tỉnh S cấp cho bà Quách Thị T1 năm 1998 là đúng, vì vậy Sở T đã không xác định, làm rõ vị trí đất bà L chuyển nhượng cho bà N, bà T2 trên thực địa. Nguồn gốc đất của bà T1 là nhận chuyển nhượng vì vậy bà T1 chỉ được quyền sử dụng đúng và đầy đủ theo giấy tờ mua bán và cơ quan Nhà nước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 phải căn cứ vào giấy tờ mua bán để cấp, tuy nhiên UBND tỉnh S đã không căn cứ giấy tờ mua bán đất để cấp mà căn cứ nguồn gốc là hợp pháp hóa để cấp, dẫn đến cho bà T1 được quyền sử dụng cả phần diện tích đất của gia đình bà L, diện tích đất bà L không bán, bà T1 không mua.

Việc nộp tiền sử dụng đất: Thời điểm UBND tỉnh S cấp giấy CNQSD cho bà Quách Thị T1, thửa đất này đang được gia đình bà L sử dụng để trồng

rau, nuôi lợn... không có nhà ở như quy định nêu trên. Nhà ở của con đẻ bà L làm trên đất đã bị mục nát, đổ trước thời điểm năm 1996. Vì vậy bà khiếu nại việc bà Quách Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ tài chính quy định tại điểm c khoản 1 Mục 1 của Thông tư số 02/TT-TCT ngày 04/01/1995 của Bộ T4 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất và lệ phí địa chính là có căn cứ.

Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng, bà T2 mua của bà ngày 10/10/1993, ngày 25/5/1996 bà Vũ Thị T2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Quách Thị Tuyết . Tại thời điểm bà T2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà T2, bà N là trái quy định của pháp luật.

Về căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S nhận định giấy CNQSDĐ cấp cho bà Quách Thị T1 là cấp theo Điều 32 của Nghị định số 88/CQ ngày 17/8/1994 của Chính phủ và Văn bản xác nhận đủ điều kiện của UBND huyện M theo diện hợp pháp hóa là phù hợp theo Điều 33 của Nghị định số 88/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ là sai, là không đánh giá đúng với thực tế khách quan.

Bà T1 có trình bày, đến năm 2015 bà T1 mới có nhu cầu sử dụng đất nghĩa là từ thời điểm bà T1 nhận chuyển nhượng đất của bà T2 năm 1996 đến năm 2015 (thời điểm xảy ra tranh chấp) bà T1 chưa sử dụng đất. Thời điểm bà T1 có nhu cầu sử dụng đất năm 2015 và thực tế cho đến nay, bà T1 chưa sử dụng đất vì gia đình bà L vẫn đang trực tiếp quản lý sử dụng, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S không xem xét, đánh giá là không đảm bảo tính khách quan, đúng đắn của sự việc.

Bà Vũ Thị T2, mua đất của bà nhưng chưa sử dụng ngày nào, năm 1996 bà T2 bán lại cho bà Quách Thị Tuyết . Bà T1, cũng không sử dụng, gia đình bà L vẫn sử dụng, từ thời điểm đó đến năm 2015, gia đình bà T1 mới tranh chấp với gia đình bà. Gia đình bà là người trực tiếp khai hoang, quản lý, sử dụng đất liên tục từ năm 1971, vì vậy người đang sử dụng đất thời điểm UBND tỉnh S cấp giấy CNQSDĐ cho bà T1 là bà L.

Không nhất trí với văn bản nêu trên, người khởi kiện đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S.

- Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S giải quyết đúng và đầy đủ các yêu cầu khiếu nại của bà L theo đúng quy định của pháp luật theo hướng hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị T1 do vi phạm các quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bị kiện Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S:

- Tại đơn khiếu nại đề ngày 15/11/2022, bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần đầu). Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S hủy bỏ Quyết định số 168/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần đầu).

- Căn cứ để khiếu nại

+ Một là: Việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh S xác định nguồn gốc sử dụng đất của bà Quách Thị T1 là nhận chuyển nhượng từ bà Vũ Thị T2 nhưng không xem xét mốc giới, ranh giới thửa đất bà L chuyển nhượng cho bà Vũ Thị T2 là không đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bà L.

+ Hai là: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sơn La căn cứ Điều 33 Nghị định số 88/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ để xác định UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Quách Thị T1 theo diện hợp pháp hóa là phù hợp là không đúng vì bà Vũ Thị T2 mua lại đất của bà L nhưng chưa sử dụng ngày nào, năm 1996 bà T2 bán lại cho bà Quách Thị T1, bà T1 cũng không sử dụng, gia đình bà L vẫn sử dụng từ năm 1971 đến năm 2015, đến năm 2015 bà T1 mới tranh chấp với gia đình bà L.

+ Ba là: Việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sơn La nhận định việc bà Quách Thị T1 không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục 1 Thông tư số 02/TT-TCT ngày 04/01/1995 của Bộ T4 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và lệ phí địa chính là không đúng vì thời điểm UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận cho bà Quách Thị T1 đất do gia đình bà L đang sử dụng để trồng rau, nuôi lợn... không có nhà ở như quy định nêu trên.

+ Bốn là: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn và Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết quan hệ pháp luật tranh

chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất không liên quan đến yêu cầu khiếu nại của bà L.

- Kết quả giải quyết

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; Sở T đã tiến hành xác minh, thu thập hồ sơ, tài liệu, chứng cứ có liên quan và căn cứ quy định của Luật Đất đai, các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết khiếu nại theo trình tự của Luật khiếu nại. Sở T ban hành Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, cư trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần hai) theo đó:

(1) Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, cư trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La, tại Đơn khiếu nại ghi ngày 15/11/2022.

(2) Giữ nguyên Quyết định số 168/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần đầu).

(3) Yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải nghiêm túc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại.

- Quan điểm của Sở T đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L: Sở T giữ nguyên quan điểm đối với Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, cư trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần hai).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quách Thị T1 có quan điểm: Năm 1996, gia đình bà có mua một mảnh đất của bà Vũ Thị T2, trú tại tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La), mảnh đất này trước đây bà T2 mua của bà Nguyễn Thị L. Đất có chiều rộng mặt tiền song song với đường Quốc lộ 6 là 06m; có chiều dài sâu vào 14m, một bên giáp với đất nhà ông Lộc T3, một bên giáp đất bà L và đằng sau cũng giáp đất bà L, tổng diện tích là 84m² đúng với tổng diện tích đất bà T2 mua của bà L được ghi vào giấy tờ mua bán ngày 10/10/1993. Ngày 13/7/1998, bà được UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1299/QĐ-UB.

Hiện tại diện tích đất này bà T1 khẳng định chưa bán cho ai và không có sự chồng lấn đất nên việc bà được cấp bì là đúng, bởi việc bà L khai hoang đất rồi bán cho bà, việc mua bán được chính quyền địa phương xác nhận là đúng

theo pháp luật. Do đó, việc bà L đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Quách Thị T1, bà không nhất trí vì vụ việc liên quan đến đất của bà đã được giải quyết bằng hai bản án đã có hiệu lực pháp luật (*Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn và Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2022/DSPT ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La*). Bà đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2024 của bà Vũ Thị T2 trình bày như sau: Năm 1993, bà có mua một mảnh đất của bà Nguyễn Thị L ở tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La có chiều rộng là 06m mặt đường quốc lộ 6 và có chiều dài là 14m, tổng diện tích là 84m², thời điểm mua giữa bà và bà L có làm giấy tờ mua bán, có chính quyền địa phương xác nhận đầy đủ (*được xác định đất không chồng lấn lên đất của ai, đất là do bà L khai hoang*). Đến năm 1996, bà nhượng lại mảnh đất nêu trên cho bà Quách Thị T1, tổng diện tích đất sử dụng là 84m² đúng như giấy tờ mua bán, sau khi mua bán xong bà cùng bà L đi làm bìa đất cho bà Quách Thị Tuyết. Hiện nay bà L khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Quách Thị T1, bà không nhất trí, bởi diện tích đất mang tên bà T1 đã được giải quyết bằng 2 bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật (*Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn và Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2022/DSPT ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La*), bà khẳng định từ thời điểm bán đất cho bà T1, bà T1 sử dụng đúng đủ diện tích đất không chồng lấn lên diện tích đất nào khác. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 27, Điều 20 Luật Khiếu nại 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: UBND tỉnh S cấp sai vị trí đất, sai nguồn gốc sử dụng đất cho bà Quách Thị Tuyết c lên quyền sử dụng đất của gia đình bà. Bà đã khiếu nại lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, sau hơn 5 tháng Sở mới ban hành Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà. Quyết định này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, trái với quy định của pháp luật vì vậy cần phải hủy bỏ, lý do đề nghị hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S là Sở T nhận định hồ sơ cấp giấy CNQSD của bà Quách Thị T1 theo diện hợp pháp hóa là trái quy định của pháp luật; căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 là không đánh giá đúng với thực tế khách quan. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S không xem xét, đánh giá là không đảm bảo tính khách quan, đúng đắn của sự việc. Bà Vũ Thị T2 mua đất của bà nhưng chưa sử dụng ngày nào, năm 1996 bà T2 bán lại cho bà Quách Thị T1, bà T1 cũng không sử dụng, gia đình bà L vẫn sử dụng, từ thời điểm đó đến năm 2015, gia đình bà T1 mới tranh chấp với gia đình bà. Gia đình bà là người trực tiếp khai hoang, quản lý, sử dụng đất liên tục từ năm 1971, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện hoặc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La theo quy định của pháp luật.

- Về đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L được thực hiện trong hạn luật định, đúng quy định của pháp luật, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp

lệ đến lần thứ hai đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và đánh giá như sau:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S: Tại đơn khiếu nại đề ngày 15/11/2022, bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 168/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2022 của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, cư trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần đầu), đề nghị Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S hủy bỏ Quyết định số 168/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc giải quyết khiếu nại của Nguyễn Thị L trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần đầu); căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Khiếu nại năm 2011, thẩm quyền ban hành quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L cư trú tại tiểu khu C thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S là đúng thẩm quyền.

Về hình thức của Quyết định: Theo đúng Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định: Đúng quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011, Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính Phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định: Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S đã tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị L, xác minh đối với Văn phòng đăng ký đất đai, làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan (*bao gồm: Bà Vũ Thị T2, bà Quách Thị T1, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện M, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, Tiểu khu trưởng Tiểu khu C thị trấn H*) và Kết quả giải quyết của TAND các cấp có nội dung liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ cho bà Quách Thị Tuyết .

+ Về nguồn gốc sử dụng đất và quá trình sử dụng đất:

Nguồn gốc sử dụng đất, quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L: Năm 1971, vợ chồng bà L khai hoang được một thửa đất có địa chỉ xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Ngày 10/10/1993, bà L chuyển nhượng một phần thửa đất cho bà Vũ Thị T2 (*hiện nay bà Quách Thị T1 đang sử dụng*) với diện tích 84m² đất (kích thước 6x14m), thời điểm chuyển nhượng ngày 10/10/1993 bà L chưa được cấp giấy chứng nhận. Ngày 03/12/1993, bà L được UBND tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 460m² đất trong đó đất thổ cư là 200m², đất vườn là 260m² theo diện cấp giấy lần đầu. Ngày 31/12/2004, Nhà nước thu hồi 14,0m² đất thổ cư do nâng cấp Quốc lộ F (*diện tích đất ở còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 186m²*). Ngày 01/11/2010, bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn D (*trong đó thể hiện diện tích chuyển nhượng gồm: 186m² đất ở tại đô thị và 260,0m² đất trồng cây lâu năm đã cấp trên GCN và 972m² đất trồng cây lâu năm tăng thêm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giáp ranh với đất bà N1, ông L1, ông N2 và ông C*).

Nguồn gốc sử dụng đất và quá trình sử dụng đất của bà Quách Thị T1: Là đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Vũ Thị T2 vào năm 1996 (*thửa đất bà T2 nhận chuyển nhượng lại của bà L ngày 10/10/1993 diện tích 6x14m = 84m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Năm 1997, bà Quách Thị T1 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện M xét duyệt đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện M tại Tờ trình số 27/TT-UB ngày 01/3/1997 và đề nghị của Sở Địa chính Sơn La tại Tờ trình số 190/TT-ĐC ngày 19/5/1998, UBND tỉnh S đã ban hành Quyết định số 1299/QĐ-UB ngày 13/7/1998 về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 94 hộ gia đình tại thị trấn H, huyện M (*trong đó có hộ gia đình bà Quách Thị T1*) theo diện hợp pháp hóa.

Việc chồng lấn giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L và bà Quách Thị T1:

+ Thửa đất của bà Nguyễn Thị L cấp năm 1993: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1993 không thể hiện đủ kích thước cạnh và giáp ranh. Tuy nhiên, đến năm 2010 bà Nguyễn Thị L đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Văn D và đã ký xác nhận trong hồ sơ (*trong đó thể hiện diện tích chuyển nhượng hết đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1993*).

+ Thửa đất của bà Quách Thị Tuyết c1 năm 1998: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1998, thửa đất của bà T1 tiếp giáp nhà ông L2, phía sau giáp đất bà L. Theo bản đồ đo đạc năm 2014 phê duyệt năm 2020, thể hiện đất bà T1 thuộc thửa số 61 tiếp giáp nhà ông H2 (trước là ông L2) và bà L phù hợp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1998 của bà T1.

Theo tờ bản đồ F48-101-150-15 đo đạc năm 1995 thể hiện thửa đất số 223 của bà L diện tích 1.145m² tiếp giáp thửa số 284 đất ký hiệu: Hg (Hoang) và ông L2 thửa số 225, diện tích đất lớn hơn diện tích đất trên giấy chứng nhận của bà L năm 1993 (lớn hơn 1145 – 460 = 685m²). Như vậy diện tích đất sử dụng của bà L theo bản đồ năm 1995 bao gồm: Diện tích đất được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 (460,0m²) + Diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà L và bà N1 con bà L đang sử dụng + Diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất chuyển nhượng cho bà T2 và bà T2 đã chuyển nhượng cho bà T1 và bà T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, 02 thửa đất cấp cho bà Nguyễn Thị L năm 1993 và bà Quách Thị T1 năm 1998 là không có sự chồng lấn như trong đơn bà Nguyễn Thị L đã nêu.

Căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Quách Thị T1 và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của bà Quách Thị T1: Bà Quách Thị Tuyết n chuyển nhượng lại đất của bà Vũ Thị T2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có các giấy tờ hợp pháp theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 88-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ nhưng được UBND huyện M xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện hợp pháp hóa và không phải nộp tiền sử dụng đất là phù hợp theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 88-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ. Ngoài ra, đại diện UBND huyện M xác nhận khi xét duyệt được thông qua các cấp cơ sở, chủ sử dụng đất và ranh giới thửa đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 14/3/2022 của TAND huyện Mai Sơn và Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2022/DS-PT ngày 29/9/2022 của TAND tỉnh Sơn La: Nhận định việc UBND tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 (cấp lần đầu) là phù hợp với quy định của pháp luật, không có sự chồng lấn.

Do đó, Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S nhận định: Việc bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 168/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L trú tại tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (lần đầu) là khiếu nại sai và quyết định không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L cư trú tại tiểu khu C thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S giải quyết đúng và đầy đủ các yêu cầu khiếu nại của bà L theo đúng quy định của pháp luật theo hướng hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị T1 do vi phạm các quy định của pháp luật.

Thấy rằng, Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S được ban hành đúng về thẩm quyền, hình thức, thời hạn, trình tự, thủ tục và có căn cứ pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của bà L: Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S giải quyết đúng và đầy đủ các yêu cầu khiếu nại của bà L theo hướng hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị T1 do vi phạm các quy định của pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc hủy bỏ Quyết định số 147/QĐ-STNMT ngày 18/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S và buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S giải quyết đúng và đầy đủ các yêu cầu khiếu nại của bà L theo đúng quy định của pháp luật theo hướng hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị T1 do vi phạm các quy định của pháp luật.

Trong quá trình thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không xuất trình thêm được căn cứ mới nào, do đó Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là đúng.

Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng